

KINH DIỆU CÁT TƯỜNG
BÌNH ĐẰNG TỐI THƯỢNG QUÁN MÔN ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN THỨ HAI

Hán dịch: Đời Tống, Quốc Sư của **Khiết Đan**, Tam Tạng Pháp Sư của nước **Ma Kiệt Đà** ở **Trung Thiên Trúc** là TỬ HIỀN dịch
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

_Bấy giờ, Đức Thế Tôn đã gia trì xong, liền bảo Bồ Tát **Di Lạc** (Maitreya) rằng:
“Các ông nguyện thọ nhận Quán Đỉnh. Trước tiên kết **Mạn Noa La Đại Đàn** rồi thọ nhận Quán Đỉnh”

Khi ấy, Đức Thế Tôn đã kết Đàn xong, liền nói **Ngũ Như Lai Quán Đỉnh Chân Ngôn** là:

“**Án, tuất nê đã đa, nghi-dã năng, phộc nhật-la, sa-phộc bà phộc đáp-ma cú hám**”

*)OM_ SŪNYATĀ JÑĀNA-VAJRA SVABHĀVA ATMAKA UHAṂ

.)Cửa Đông: **Kim Cương Thủy Quán Đỉnh** là Chân Pháp Vương Tử

.)Cửa Nam: **Bảo Liên Hoa Kim Cương Thủy Quán Đỉnh**, được nghe **Pháp bí mật** tự tại không có ngăn ngại

.)Cửa Tây: **Trí Kim Cương Thủy Quán Đỉnh**, đắc được ba nghiệp thanh tịnh viên mãn

.)Cửa Bắc: **Yết La-Ma Kim Cương Ngũ Cam Lộ Thủy Quán Đỉnh**, được vượt qua Luân Hồi, viên mãn Pháp Giới, nhận làm Sứ Giả của Phật”

_Thọ nhận **Quán Đỉnh** ở **bốn cửa** xong, nhóm Bồ Tát Di Lạc vui mừng hơn hờ, ân cần cảm tạ.

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Ta lại có **Trung Phương Căn Bản Trí Kim Cương Thủy Quán Đỉnh** hay chặt đứt hai chướng: **phiền não** (Kleśāvaraṇa), **Sở Tri** (Jñeyāvaraṇa), hay chứng chân lý. Ông nên thọ nhận”

Nhóm Bồ Tát Di Lạc nghe nói như vậy, y theo sự dạy bảo liền thọ nhận Quán Đỉnh

_Liền nói **Trung Phương Căn Bản Trí Kim Cương Thủy Quán Đỉnh Chân Ngôn** là:

“**Án (1) đát la-ma đà đố, phộc nhật-la sa-phộc bà phộc, đát-ma cú hám (2)**”

*)OM_ DHARMA-DHĀTU VAJRA-SVABHĀVA ATMAKA UHAṂ

_Thọ nhận Quán Đỉnh xong, nhóm Bồ Tát Di Lạc vui vẻ vô lượng, cùng nhau tự khen rằng:

“Chúng con đời này được **quả** ấy

A nễ-dã nhĩ, tát phả lãng, nhạ la-hàm (1)

.)Tinh tiến phúng tụng **Thế Tôn Giáo**

A nễ-dã nhĩ, tát phả lãng đáp bả (1)

.)Thường tập **Như Lai Đại Chính Đỉnh**

A nễ-dã nhĩ, tát phả lãng địa-dã năng (1)

)Đều hay lia hẳn đường Luân Hồi
A nễ-dã nhĩ, vĩ ninh mục cật-ly đặng (1)

—Lúc đó, nhóm Bồ Tát Di Lạc cùng nhau tự khen xong, rồi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Pháp Môn Bí Yếu tối thượng này, Đức Phật được nghe ở đâu? Đức Phật học với vị Thầy nào mà y theo tu hành, được Đại Thần Thông, được Đại Bồ Đề?”

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Các ông có Đại Trí Tuệ đã hỏi như vậy. Các ông hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông nói. Ở trong vô lượng kiếp quá khứ, Ta cùng với **Kim Cương Đại Bình Đẳng Bồ Tát, Kim Cương Đại Thân Bồ Tát, Kim Cương Đại Biện Bồ Tát, Kim Cương Đại Ý Bồ Tát, Kim Cương Đại Tam Ma Địa Bồ Tát, Kim Cương Đại Giáng Ma Bồ Tát** làm bậc **Thượng Thủ** (Pramukha) với 17 vị Đại Bồ Tát kèm với vô lượng nhóm Bồ Tát, hướng đến chỗ của Đức **Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Mahā-vairocana tathāgata) nghe Pháp như vậy, tác **Quán** như vậy, bí mật tu hành thành Chính Giác. Chư Phật quá khứ nếu chẳng y theo Pháp Môn này thời chẳng do đâu mà được chứng nơi Bồ Đề”

—Nhóm Bồ Tát Di Lạc nghe điều Đức Phật đã nói đều sinh vui vẻ, lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn Đại Từ Đại Bi nhìn thấy, xin rủ lòng thương xót. Con thề tu hành cầu **Vô Thượng Giác**. Nguyên xin Đức Thế Tôn phân biệt diễn nói Pháp Môn bí mật”

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Các ông hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông nói. Ta sinh trong cung vua, đến năm 16 tuổi, nhân dạo chơi bốn cửa, thấy **sinh, già, bệnh, chết** với thấy **Sa Môn** (*dạy bảo riêng, sáng tỏ rộng lớn*) được tở ngộ **Vô Thường** (Anitya), **Luân Hồi** (Samsāra) chẳng ngừng nghỉ. Đến năm 17 tuổi, nửa đêm rời khỏi thành đi đến rừng **Tất Bạt La** (Pippala). Ở trong rừng ấy: 12 năm Khổ Hạnh tu hành, trong mỗi một năm đều tu Khổ Hạnh khác nhau. Một năm ở trong rừng cầm giữ cái bát để ăn, trong rừng phần lớn có vị **Thần cây** (Thụ Thần). Một năm ăn rễ cỏ ấy, một năm ăn quả tạp ấy, một năm ăn lá cây tạp ấy, một năm ăn nước cốt hương ấy, một năm ăn **Mạo Tất Đễ dã** (*đây nói là Quả trái trong nước*), một năm ăn quả Cát Tường [*nư Hương Đào ở đất này (Trung Hoa)*], một năm ăn một hạt táo, một năm ba thời uống nước, một năm ở dưới gốc cây tập Thiền chẳng đứng dậy, dùng bàn tay hái lá, quả để ăn. Một năm ngồi Thiền ăn **Khí** (*nư Thai Tức ở đất này ngưng dùng thức ăn*). Đến năm thứ mười hai, cực khổ tu hành vẫn chưa thành Chính Giác. Liên có nhóm **Tỳ Bà Thi Phật** (Vipaśyin buddha) ở quá khứ rủ Đại Từ Bi sai vị Đại Đệ Tử đến bảo Ta rằng: “Tôi là Đại Đệ Tử của sáu Đức Phật quá khứ, phụng **Giáo Sắc** của Phật đi đến báo cho biết. Thái Tử như Khổ Hạnh này tu hành thì cuối cùng vẫn chẳng thể chứng Vô Thượng Bồ Đề. Thái Tử mau lia chỗ ngồi, ẩm cháo sữa, trải qua một tháng lại đi đến chỗ ngồi của mình, ắt chứng Bồ Đề”

Nói xong đột nhiên chẳng nhìn thấy nữa. Ta liền y theo lời dạy, phụng hành lại đi đến **khu rừng cũ** (bản lâm) ngồi xuống, sau đó tự suy nghĩ, hướng lên không trung bảo rằng: “Tôi tu Khổ Hạnh 12 năm vẫn chưa chứng Bồ Đề, lại có vị Thánh báo tôi rằng: **“Tôi là Đại Đệ Tử của sáu Đức Phật quá khứ...”**, nên ngày nay đi đến khu rừng cũ, y theo Hạnh Nguyên nào làm Pháp, Pháp Môn được thành Chính Giác?...”

Nói xong thời sáu Đức Phật quá khứ ứng theo tiếng liền đến, rồi bảo rằng: “Này Đại Thiện Nam Tử! Nếu thiết yếu thành Chính Giác thì nên đến **cây Bồ Đề** (Bodhi-vṛkṣa) y theo **Khóa tụng Quán Môn bí mật** của chư Phật quá khứ tu hành trải qua 12 tháng thời quyết định thành Chính Giác”

Ta nghe nói điều này xong, y theo sự dạy bảo phụng hành quả chứng Bồ Đề. Các ông nếu chẳng y theo Khóa tụng Quán Môn bí mật này tu hành thì cuối cùng chẳng thành nơi Vô Thượng Bồ Đề”

Nhóm Bồ Tát Di Lặc nghe như vậy xong thời phát Tâm hiềm có, bạch Phật rằng: “Thế Tôn Nguyên vì chúng con mau diễn Diệu Pháp. Chúng con ưa thích nghe”

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Các ông hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông nói. Phạm muốn tác **Quán** tu Môn bí mật, trước tiên dùng vật khí sạch chứa đầy nước sạch mới an ở trước mặt, tưởng nước sạch này như ao **Nậu Đạt** (Anavatapta: Vô Nhiệt Nao), vận Tâm thỉnh đến mà làm việc Phật. Bên trong tưởng như lòng bàn tay của Đức Phật mà giáng xuống, niệm **Thỉnh Thủy Chân Ngôn** 7 biến. Chân Ngôn là:

“**Án (1) tố lỗ tố lỗ, vĩ tát la (2) sa-phộc hạ**”

*)OM SURU SURU VISĀRA SVĀHĀ

Xong, dùng nước sạch này vận Tâm gia trì, tưởng nước như ao sen trong sạch, niệm Chân Ngôn này 7 biến, dùng bàn tay phải quấy 7 vòng, tất cả nên dùng biểu thị cho **kết tịnh**. Chân Ngôn là:

“**Án (1) thú dịch-dụng nậu số đà năng dã (2) sa-phộc hạ**”

*)OM SUDDHYA ANUSODHANĀYA SVĀHĀ

Tiếp theo, tưởng nước Cam Lộ của năm Đức Phật dùng tịnh sáu Căn với tịnh ba nghiệp. Chân Ngôn là:

“**Án (1) vĩ ma lộ na địa, hồng tát (2)**”

*)OM VIMALA UDADHI HŪM SAḤ

Tiếp theo, tưởng nước Cam Lộ của năm Đức Phật an trong lòng bàn tay phải. Tưởng nước Trí này từ năm đầu ngón tay tuôn ra như năm Đức Phật giáng nước Cam Lộ xuống. Lại tưởng như năm dòng sông, niệm Chân Ngôn này ba biến gia trì, song tự **Quán Đỉnh** (rưới rót lên đỉnh đầu). Tiếp theo, tự uống ba hớp, biểu thị cho tịnh năm nghiệp. **Năm Nghiệp** là thân do đất, nước, lửa, gió, hư không tạo thành. Trước tiên tịnh thân của mình rồi lễ Đức Phật. Đã lễ Phật xong, đem nước sạch lúc trước an ở bên trong cái bình, dùng Chân Ngôn này gia trì 108 biến để ở trước mặt Phật. Chân Ngôn là:

“**Án (1) nghi-dã năng, nại kiếm, a địa để sắt-xá, sa-phộc hạ)2)**”

*)OM JĀNA NAIKAM ADHIṢṬA SVA-MĀM

Tiếp theo, đến trước mặt Phật an Tâm mà ngồi, tưởng nơi chư Phật, niệm Chân Ngôn này năm biến. Chân Ngôn là:

“**Án (1) tả lý, tức trí (2) sa-phộc hạ (3)**”

*)OM CALE CITTI SVĀHĀ

Tiếp theo, hai tay cài chéo nhau bên ngoài, để tâm lòng bàn tay đè lên đất, niệm **Tịnh Địa Chân Ngôn** ba biến, tưởng như đất Kim Cương. Chân Ngôn là:

“**Án (1) mạo a, khư (2)**”

*)OM BHŪḤ KHAM

Tiếp theo, đem mười đầu ngón tay giao nhau rồi nắm lại, hờ ở bên trong như Hư Tâm Hợp Chưởng, dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) hơi mở, an ở trước mặt, niệm

Kim Cương Bảo Lâu Các Chân Ngôn ba biến, tương Ấn như lâu gác báu. Chân Ngôn là:

“Ấn (1) phộc nhật-la cú-lỗ địa thấp-phộc lý (2)”

*)OM_ VAJRA-KRODHĒSVARĪ

Tiếp theo, hai tay tác **Kim Cương Phộc**, dựng thẳng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) ở trán, niệm chữ **Ấn** (ॐ: OM), tương chữ **Ấn** như thân của lâu gác báu

Tiếp theo, hai tay tác **Kim Cương Phộc**, dựng thẳng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa), co Tiến Lực (2 ngón trỏ) hơi mở, xoay đầu ngón theo bên trái ba vòng, niệm chữ **A** (ॐ: Ā), tương chữ **A** như báu trang nghiêm lâu gác của Phật

Tiếp theo, hai tay tác **Kim Cương Phộc**. Trước tiên dựng thẳng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa), co Tiến Lực (2 ngón trỏ) hơi mở, dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) hơi mở, dùng an ở trái tim, niệm chữ **Hồng** (ॐ: HŪM), tương chữ **Hồng** như hư không trong lâu gác báu

Tiếp theo, hai tay cùng cài chéo nhau bên ngoài, an ở rốn, ngửa lên hơi mở, niệm chữ **Xá** (ॐ: THA), tương chữ **Xá** như đất báu tạc

_Tiếp theo, đem lưng hai bàn tay hơi giao nhau, dựng thẳng trước mặt, tương như bức tường giới hạn (giới tường). Chẳng sửa **Khế** này, xoay theo bên trái ở cái đầu ba vòng, tương Ấn như bánh xe đập tan phiền não, niệm **Kim Cương Kết Giới Chân Ngôn** bảy biến

“Ấn (1) phộc nhật-la bát-la ca lệ năng, phộc nhật-la mãn đà nỉ năng (2) Ấn (3) chiêm, hồng, phộc nhật-la la khát-la (4)”

*)OM_ VAJRA PRAKAREṆA VAJRA-BANDHANENA_ OM ṬUM HŪM VAJRA-RAKṢA

(Bên trên từ **Tịnh Địa** đến **kết Giới** đều cầm **chuông**, chày tác **Ấn** dùng vậy)

_Tiếp theo, tay trái cầm cái chuông, tay phải cầm cái chày, tác **Liên Hoa Ấn** để ngang trên đỉnh đầu **lễ**, rồi có thể dùng cái chày, ngửa bàn tay, dựng cái chày an ở rốn. Cái Chuông an bên cạnh eo lưng. Niệm **Kim Cương Linh Chân Ngôn** năm biến

“Ấn (1) phộc tố ma đề (2) phộc tố thất-ly duệ (3) thất-ly già xá nỉ, na nỉ, đất đồ lý-duệ (4) a ngật-ly tát (5) sa-phộc hạ”

*)OM_ VASU-MATI VASU ŚRĪYE_ ŚRĪ GĀTHĀNĪ DĀDE SATŪRYE AGRI SAḤ SVĀHĀ

_Tiếp theo niệm **Kim Cương Chử Chân Ngôn** năm biến

“Ấn (1) đạt la-ma đà đồ nghiệt tỳ (2) la đạt-năng phộc nhật-la địa sắt-xá năng (3) địa sắt-sĩ đế (4) đề sắt-xá, sa-phộc hàm, hồng (5)”

*)OM_ DHARMA-DHĀTU-GARBHE RATNA-VAJRA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE TIṢṬA SVA-MĀM HŪM

Niệm Chân Ngôn, cầm cái chuông theo nghi thức thông thường, ném cái chày ba lần, rung chuông ba lần. Chia đôi chuông chày ấy an trí trong cái bàn, rồi dùng bàn tay phải rưới vẩy nước sạch lúc trước; Chân Ngôn đồng với **Thủy Đàn**

_Tiếp theo, rưới vẩy hương xoa bôi gia trì ba biến. Chân Ngôn là:

“Ấn (1) phộc nhật-la hiền đề, ninh bả vĩ, đất la mục khí, hồng (2)”

*)OM_ VAJRA-GANDHE NĪPA VIḤ TRA-MUKHE HŪM

_Lại dùng tay phải đặt chày Kim Cương nằm ngang, dùng đè lên đất. Tay trái bắm tràng hạt, niệm **SỔ CHÂU CHÂN NGÔN** 21 biến gia trì lên đất thành Đàn hoa của Phật, dùng biểu thị **kết tịnh**. Chân Ngôn là:

“Án (1) phộc tổ ma đễ, thất-lý duệ (2) sa-phộc hạ”

*)OM_ VASU-MATI ŚRĪYE SVĀHĀ

_Tiếp theo, dùng vật khí sạch lúc trước hoặc nước bên trong cái bình, dùng bàn tay rưới vẩy cái mâm bày vật cúng trước mặt Phật. Hoặc ở trên đất xoa tô kết Thủy Đàn, dùng Chân Ngôn này gia trì ba biến. Chân Ngôn là:

“Án (1) phộc nhật-la, tam bộ nhạ, bát-la phộc la, tam bộ tổ, sa-phộc hạ”

*)OM_ VAJRA SAṂ-PŪJA PRAVĀRA SAMBHŪTO SVĀHĀ

_Tiếp theo, dùng hoa rải tán trên **thủy Đàn**. Phàm rải một bông hoa thì tưởng chữ **Chủng Trí** của một Tôn. Trước tiên là 5 Đức Như Lai, tiếp đến 4 Ba La Mật, sau đó là tám vị Bồ Tát bên trong, như Kinh đã nói. Tiếp theo tưởng 12 vị Đại Bồ Tát **Ngoại Cúng Đường** cũng như Kinh nói, **12 vị Tôn Sĩ** này dùng đồng một chỗ, hợp lại làm **tám** (8) bố trí Đàn hoa, tức **mở** là 12, **hợp** lại làm 8

(Đăng Cúng Đường, Kính Cúng Đường) **Quán Tự Tại Bồ Tát**

(Tỳ Bà Cúng Đường, Ca Âm Cúng Đường) **Kim Cương Thủ Bồ Tát**

(Thiên Hương Cúng Đường) **Hư Không Tạng Bồ Tát**

(Âm Thực Cúng Đường, Cam Lộ Cúng Đường) **Đại Bi Bồ Tát**

(Y Cúng Đường, Vũ Cúng Đường) **Địa Tạng Bồ Tát**

(Tán Hoa Cúng Đường) **Phổ Hiền Bồ Tát**

(**Quán** (xỏ xâu) Hoa Cúng Đường) **Diệu Cát Tường Bồ Tát**

(Đồ Hương Cúng Đường) **Di Lạc Bồ Tát**

Đây hợp làm **tám** (8), vị trí của các Tôn bên trên như khi bày hoa, đều tưởng chữ Chủng Trí của Bản Tôn, gia trì bố trí hoa ấy. Chữ **Chủng Trí** theo thứ tự sẽ nói

.)Trước tiên, tưởng chữ Chủng Trí của năm Đức Như Lai

“Án, hồng, đát-lăng, hột-lý-dĩ, a”

*)OM_ HŪM TRĀM HRĪḤ AḤ

.)Tưởng chữ Chủng Trí của bốn vị Ba La Mật Bồ Tát

“Lam, hàm, mãng, đấng”

*)RAM HAM MAṂ TAM

.)Tưởng chữ Chủng Trí của tám vị Bồ Tát bên trong

“Khất-lý, nhật-lăng, khư, ngưỡng, sa-giảng, tảng, hàm, minh”

*)GRI, JRAM, KHA, GAṂ, SYAM, TAM, HAM, ME

.)Tưởng chữ Chủng Trí của tám vị Bồ Tát bên ngoài

“Nhược, hồng, tông, hộc, khư, lăng, lam, hàm”

*)JAḤ, HŪM, VAṂ, HOḤ, KHA, RAM, LAM, HAM

.)Bốn vị Bồ Tát còn lại không có chữ Chủng Trí, chỉ niệm Danh Hiệu. Tên các vị ấy là: **Kim Cương Kính Cúng Đường Bồ Tát, Kim Cương Tỳ Bà Cúng Đường Bồ Tát, Kim Cương Cam Lộ Cúng Đường Bồ Tát, Kim Cương Vũ Cúng Đường Bồ Tát**

Niệm danh hiệu của bốn vị Bồ Tát này kèm với chữ Chủng Trí của tám vị Bồ Tát lúc trước, tưởng bày Đàn hoa, thành 12 Tôn.

.)Tưởng chữ Chủng Trí của mười vị Đại Minh Vương

“**Được, bát-la, bát-đát, vĩ, tra, ni, ma, a, ô, phộc**”

*)YA, PRA, PAD, VI, TA, NI, MA, U, VA

.)Tưởng chữ Chủng Trí của bốn vị Bồ Tát: **Câu, Sách, Tỏa, Linh**

“**Nhuộc, hồng, tông, hộc**”

*)JAḤ HŪM VAM HOḤ

_Tưởng chữ Chủng Trí bố trí hoa ấy mà thành Đàn hoa, rồi dùng nước sạch trong bình

“Hai tay như hoa sen

Trước dùng **Đàn** (ngón út phải), **Giới** (ngón vô danh phải), **Nhẫn** (ngón giữa phải)

Tiếp dùng **Tuệ** (ngón út trái), **Phương** (ngón vô danh trái), **Nguyện** (ngón giữa trái)

Đem sáu ngón hợp nhau

Dùng **Tiền Lực** (2 ngón trỏ), **Thiên Trí** (2 ngón cái)

Hơi cong, tựa hơi mở

Trước, ở ngoài Đàn hoa

Tự an trước mặt mình

Một vật khí sạch mới

Rồi nâng nơi bình nước

Hướng ra ngoài đồ nước

Rót vào vật khí sạch

Nước tuy rót trong **Khí** (vật khí)

Tâm chuyên tưởng trong Đàn

Tắm gội các chúng Thánh

Rồi niệm **Mộc Dục Minh**

Chân Ngôn tụng một biến

Chân Ngôn là:

“**Án (1) mô ninh phộc la ma lý tức (2) nễ lý-nga đa (3) vĩ nễ-dã nga năng yết-la 94) tát mô địa-lý đái yết la thể (5) nê-dã nam một năng tỳ sai-kế đái (6) sa-phộc cư lệ số bà tế mô lễ tả đát**”

_Tiếp, dùng **Đồ Hương Khế**

Rưới vảy nơi Đàn hoa

Ngay lúc dùng rưới vảy

Chỉ tưởng hai bàn tay

Xoa lau **Biển Chiếu Tôn** (Vairocana)

Niệm **Đồ Hương Chân Ngôn**

Như Kinh đã rộng nói

_Tiếp, dùng **Mật Hương Khế**

Xoa bôi trên Đàn hoa

Trước, tưởng nơi **Phật Đỉnh**

Tiếp, niệm **Mạt Hương Minh**
Chân Ngôn niệm ba biến
Phụng hiến nơi Như Lai
Chân Ngôn là:
“**Án, phộc nhật-la tố lý-ninh mạt (2)**”
*)OM_ VAJRA SUR-DIMA

_ Lại dùng **Anh Lạc Khế**
Hai tay: **Liên Hoa Ấn**
Như thế cột Anh Lạc
Tưởng từ trước mặt Phật
Sau tưởng ở cổ Phật
Trước, dùng **Tiến Lực** (2 ngón trỏ) móc
Như cột Anh Lạc Phật
Niệm **Anh Lạc Chân Ngôn** là:
“**Án (1) la đát-nặng (2) ma củ tra (3) a la-đà, hạ la (4) bố nhạ, phộc nhật-la**
(5) hồng (6)”
*)OM_ RATNA MAKUṬA-ARDHA HĀRA PŪJA VAJRA HŪM

_ Tiếp, dùng **Ngũ Phật Quán** (cái mào)
Ấn Khế, Minh bên dưới
Trước tiên, co **Đàn Tuệ** (2 ngón út)
Tiếp **Nhẫn Nguyện** (2 ngón giữa) hợp ngón
Sau, **Giới Phương** (2 ngón vô danh), **Tiến Lực** (2 ngón trỏ)
Thiền Trí (2 ngón cái) dựng, hơi mở
Dùng an trên đỉnh đầu
Tác tướng đem mào báu
Đội lên đầu Bản Tôn
Chân Ngôn là: (như Kinh)

_ **Phật Nhĩ** (lỗ tai) **Cụ Ấn Khế**
Hai tay **Kim Cương Quyền**
Trước tiên, đem **Tiến Lực** (2 ngón trỏ)
An ở tai phải, xoay
Một vòng móc một móc
Tai trái đồng tai phải
Tưởng cho Bản Tôn đeo
Làm vật trang nghiêm tai
Chân Ngôn là: (như Kinh)

_ **Phật Báp** (bắp tay) **Anh Lạc Khế**
Hai tay **Liên Hoa Ấn**
Chéo nhau, phải đè trái
Thiền Trí (2 ngón cái) vịn **Đàn Tuệ** (2 ngón út)
Mới duỗi sáu ngón tay
Đều tưởng ở một **báp** (bắp tay)
An Anh Lạc **Phật Báp** (bắp tay của Phật)
Chân Ngôn là: (như Kinh)

_Tiếp, **Phật Uyển Xuyên** (xuyên đeo ở cổ tay) **Ấn**
Hai tay: **Kim Cương Quyền**
Trước tiên, duỗi **Tiến Lực** (2 ngón trỏ)
Tiến (ngón trỏ phải) xoay cổ tay trái
Lực (ngón trỏ trái) xoay cổ tay phải
Tương thuận theo **Phật Uyển** (cổ tay của Phật)
Chân Ngôn từ **Anh Lạc**
Cho đến **Uyển Xuyên Khế**
Tùy **Ấn** đều một biến

_Lại dùng **Quán Hoa** (xâu xỏ hoa) **Khế**
Thiền Trí (2 ngón cái) bắm **Tiến Lực** (2 ngón trỏ)
Như thế xâu xỏ hoa
Trước, tương ở trán Phật
Tiếp, tương cột phía sau
Chân Ngôn như Kinh nói

_Lại dùng **Hiển Y Khế**
Hai tay hướng ngoài, mở
Tương cho Phật mặc áo
Chân Ngôn như Kinh nói
_Tiếp, dùng **Tản Cái Khế**
Tay trái: Kim Cương Quyền
Dụng đứng đầu ngón **Lực** (ngón trỏ trái)
Tay phải duỗi năm ngón
Ngang bằng che **ngọn Lực** (đều ngón trỏ trái)
Như lọng xoay bên phải
Tương che **Hoa Đàn Tôn** (Tôn trên Đàn hoa)
Chân Ngôn tụng ba biến
Chân Ngôn là:

“**Ấn (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) sát đát-la, bố nhạ minh già (3) tam mẫu nại-la (4) sa-phả la noa (5) tam ma duệ (6) hồng (7)**”

*)OM SARVA TATHĀGATA SATRĀ PŪJA-MEGHA-SAMUDRA
SPHARAṆA SAMAYE HŪM

_Tiếp dùng **Nhiên Đăng Khế**
Tay phải nắm bốn ngón
Đem **Nhẫn** (ngón giữa phải) duỗi thẳng đứng
Tay trái dựng tay phải
Tương **Nhẫn** (ngón giữa phải) như **đèn Tuệ**
Xoay bên phải trên Đàn
Cúng dường nơi Như Lai
Chân Ngôn tụng ba biến
Như Kinh đã rộng nói

_Dùng một vật khí sạch
Chứa đầy **Tam Bạch Thục**

(Tam Bạch Thực là: cơm gạo tẻ, sữa, vàng sữa đặc)

Với bày thêm hoa quả

Đề ở trên **Bạch Thực**

Hướng mặt trước **Đàn hoa**

Hai tay nâng cúng dường

Niệm Chân Ngôn ba biến

Dùng gia trì **cơm Phật** (Phật phạn)

Chân Ngôn là:

“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) nĩ vĩ nễ-dã (3) bố nhạ, tót-đổ nễ dã, ma tát (4) nhược hồng tông học**”

*)OM_ SARVA TATHĀGATA NAIVIDYE PŪJA ṢṬHŪ ANUYĀ
MAṢA_ JAḤ HŪM VAṢ HOḤ

_Gia trì xong. Trước tiên an vật khí sạch để ở trước mặt, rồi đem cơm của Phật (Phật phạn) an trong lòng bàn tay trái, tay phải cầm cái bình Chú vào nước sạch ở trong vật khí, ngay khi đổ nước xuống thời tưởng niệm cho Bản Tôn dùng súc miệng, lại tụng Chân Ngôn gia trì ba biến, mỗi một biến thì một lần rưới rót.

Chân Ngôn là:

“**Án (1) a một-lý (2) cấu (3) bà phộc dã (4) tát, sa-phộc hạ**”

*)OM_ AMṚTA UDBHAVĀYA SAḤ SVĀHĀ

_Bảy giờ, Đức Thế Tôn nói **Hoa Đàn** này xong, liền bảo Bồ Tát Di Lặc rằng: “Tu **Quán Môn học Hạnh bí mật** này. Trước tiên quy mệnh Phật, rồi dùng tay phải rút ném cái chày đều ba lần. Tiếp theo, ngửa tay phải ở rón, để cái chày trong lòng bàn tay, trên dưới dựng thẳng đứng. Rồi dùng tay trái lắc chuông, niệm **Bát Đại Nguyện Chân Ngôn**, tụng ba biến

Chân Ngôn là:

“**Án (1) một đặng, đạt la-hàm tá (2) tăng già tá (3) đát-lý la đát-nặng nghiệt-la (4) ma nễ đát-lăng (5) mẫu miễn tức đặng (6) ca lỗ nhĩ-dã phiến (7) sa-phộc bát la la-thát, bát-la tát đà duệ (8) nễ xá noa, tát phộc bá bả nam (9) bôn nê-dã nam tả, nễ mô na nam (10) cật-lý cấu bát phộc tăng tả lý xá-dã nhĩ, a lý-dã sắt-xá nga bá thí đạt (11) y hàm, phệ la mẫu bá na dã (12) dạ phộc-đát la đễ-dã la nga nhĩ ninh (13) dạ phộc tả tát tổ lý-duệ na duệ (14) a đễ-duỡng đa lý, bát-la nê ma đà (15) bát la tả hạ la nam (16) a một-lam hạ tả lý-duỡng (17) đát na phộc-ca tỳ nễ ma miễn bá nhạ nặng noa, bá noa, vĩ ca la tát noa (18) ma la phộc la nặng ca nễ-lý đễ-dã nghi đát phộc nễ đa (19) a nễ-dã hám nễ-vĩ la bé đát-lý la bé (20)**”

Niệm Chân Ngôn xong

Rồi vào Đạo Trường

Hướng mặt về Phật

Ngồi, tưởng thân mình

Nát như bụi nhỏ

Thâu lại thân mình

Như Thế Kim Cương

.)Ngâm niệm Chân Ngôn là:

“**Án (1) la, tổ bá nga đá, tát phộc đạt la-ma (2)**”

*)OM_ RA ŚOBHA-GATA SARVA DHARMA

.)Ngâm niệm **Tịnh Thân Tam Nghiệp Chân Ngôn** là:

“**Án (1) sa-phộc bà phộc, thuật đà, tát phộc đạt la-ma, bà phộc, thuật độ hám (2)**”

*)OM_ SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMA BHAVA ŚUDDHA UHAM

.)Ngâm niệm **Tịnh Khẩu Tứ Nghiệp Chân Ngôn** là:

“**Án (1) [hộc chỉ-dã, thuật đá, tát phộc đạt la-ma, phộc chỉ-dã, thuật thổ hám (2)**”

*)OM_ VĀKYA ŚUDDHA SARVA DHARMA-VĀKYA ŚUDDHA UHAM

.)Ngâm niệm **Tịnh Ý Tam Nghiệp Chân Ngôn** là:

“**Án (1) tức đá, thuật đà, tát phộc đạt la-ma, tức đá, thuật thổ hám (2)**”

*)OM_ CITTA ŚUDDHA SARVA DHARMA-CITTA ŚUDDHA UHAM

Ba nghiệp thanh tịnh xong
Vận Tâm trong đường ác
Tất cả các chúng sinh
Mọi tội, các nhóm Chướng
Tiêu diệt hết, không sót
Đều được thân thanh tịnh

__Rồi tưởng **phương trên** (thượng phương)

Nơi âm thanh đến

Thành **Mạn Noa Đàn**

Vận Tâm cúng dường

Lại tưởng tay mình

Làm tay Kim Cương

Nhóm chân, mắt, tim

Cũng lại như vậy

Dùng thân Kim Cương

Lễ sự chư Phật

Sau đó lại tưởng

Năm ngón tay mình

Lấy Trí Kim Cương

Nắm nước Cam Lộ

Tự rưới đỉnh đầu

Tẩy rửa năm Thân

Mười Nghiệp, sáu Trần

Tưởng thân phàm phu

Đều không chỗ có

Như **vành trăng** (nguyệt luân) sạch

Thân mình trên **Luân** (vành trăng)

Tưởng hình chữ **Hông** (ㄩ̣ :HŪM)

Giống như ánh sáng

Y vành trăng trụ

Như lượng đèn sáng

Niệm Chân Ngôn này

Gia trì bảy biên

Ngâm niệm Chân Ngôn là:

“**Án (1) mạo địa tức đa mẩu đát-bá na dã nhĩ (2)**”

***)OM_ BODHICITTAM UTPADA YĀMI**

_ Gia trì, tướng **Quán** xong
Lại tướng hình chữ **Hồng**
Rồi ở trên vành trăng
Nhu nhóm ánh sáng lớn
Tướng thân rải **đốm sáng**
Lại thành sáu **Bồ Tát**
Mỗi tướng một **Bồ Tát**
Tướng làm vô lượng **Thân**
Cúng dường nơi chư **Phật**
Sáu **Bồ Tát** cúng dường
Tướng đều hiển chúng **dường**
Tự Tại **Bạch Tản Cái**
Kim Cương Thủ: tiếng khen
Hư Không Tạng: mọi hương
Đại Bi hiển ăn uống
Địa Tạng dâng áo đẹp
Phổ Hiền dùng xoay **múa**
Tướng hiển cúng **dường** xong
Tâm lại ngàm **khẩn cáo**
Khen khắp, cầu **Tam Bảo**
Ngàm niệm **Đại Già Đà Chân Ngôn** là:

“**Dã na năng nĩ, ma đễ bà vũ nghiệt (1) tát ma tát-đát tăng ca la-bả tam, bệ-ly đặng ca lữ thương (2) đát nĩ sái dã nhĩ vĩ đệ phộc đát (3) ma hạ cật-ly bá nam, bồ la tát ca lam (4) tam một đà, mạo địa tát đát-phệ, la lý-duệ la nĩ thất-giả (6) dã đát cật-ly đặng, củ sái lãng (7) a nễ mô nễ-dã đát na phộc thể hương (8) tam nhĩ-dã ca, bá lý năng ma dạ nhĩ (9) tam mạo thố (10) vĩ la sái ma nễ ma lãng nễ (11) bát-la sa nĩ đa nan đát tát-đát cật-ly, bá bả dưong (12) xá la nam, bát-la dạ nhĩ, tổ nga đặng (13) năng đát-ma ma nộ, phược lật-đề nễ nĩ đễ-dưong (14) nễ-ly một yết-đát tạng, ca la yết-la bá năng (15) ma thể sái, tát đát-phộc tam bát na đà lãng (16) đạt la-hàm, bát-la dạ nhĩ, xả la nam (17) tát ma, tát đát-phược, tát-đát-vĩ ca (18) la tát lỗ bán (19) tam nhĩ-dã nga (20) ninh la tát-đát mãn đà năng (21) một đa ma ca lỗ năng (22) tát mặt-lãng bệ đát thất-ly giang (23) một nễ đa nễ phồ, bát-la vĩ sắt-xá (24) ga đố tát-nhĩ xả la nam (25) dã đễ sái nga nam (26) a sái dã, vĩ bá ca, thuật địa-dã (27) tát phộc vật-ly đễ phộc tát một na-nga đễ (28) ồ đát-bả na dạ nhĩ, mạo đà (29) phộc đễ, mục khuất đễ, vĩ phồ sái nam tề đa (30) tát tổ đát tổ (31) nga đái ca ma lãng-ngược (32) na sái vĩ đà na năng nễ, thuật khuất-la ngu năng, lỗ bán (33) tam một đà đát-ma, tát ma sa-đặng, sa-phộc bà phộc, thuật địa-dã, tát ma thất-ly đố sa-nhĩ-dã, độ năng (34) cật-ly bá dạ phộc lam nhĩ-dã, tát ca lam (35) lộ ca nhĩ ma, nễ-ly sắt-trí nhạ la, bá lý năng đát-vông (36) tam mạo đễ tức đa, mặt đố lãng (37) vĩ bà nhĩ-dã, vĩ địa nĩ đễ (38) mãn đát-ly tả đát (39) thú nễ-dưong, sa-phộc bà phộc, vĩ la hạ (40) hứ đố vĩ dữu nga đát tha ninh nhĩ đặng đố (41) ồ hạ bá nga ma na tức lam (42) phộc tốt-đổ bát-la ninh đà năng, nĩ-ly mục khát-đặng (43)”**

_ Khen cầu Tam Bảo xong
Lại tướng hình chữ **Hồng**

Hình như lượng Đại Mạch
Lại y vành trăng trụ
Rồi niệm **Hư Không Tạng**
Kim Cương Trí Chân Ngôn
Tâm thâm niệm bảy biến
Chân Ngôn là:

“**Án (1) thú nê-dã đa, nghi-dã năng, phộc nhật-la, sa-phộc bà phộc, đát-ma cú hám (2)**”

*)OM_ SŪNYATĀ JÑĀNA-VAJRA SVABHĀVA ATMAKA UHAṀ

_ Lại tượng lượng **mạch** trước
Hình tựa như bụi nhỏ
Cũng y vành trăng trụ
Ngâm niệm, quán **Tế Tướng** (tướng nhỏ nhiệm)
Chân Ngôn là:

“**Án (1) tổ khu-ma, phộc nhật-la (2)**”

*)OM_ SŪKṢMA VAJRA

_ Lại tượng trên vành trăng
Có nhóm ánh sáng nhỏ
Ngâm tụng Chân Ngôn này
Cần phải tụng bảy biến
Chân Ngôn là:

“**Án (1) để sắt-xá, phộc nhật-la (2)**”

*)OM_ TIṢṬA VAJRA

_ Tượng ánh sáng chẳng động
Mau chóng xoay lại đi
Ngâm niệm Chân Ngôn này
Cũng nên niệm bảy biến
Chân Ngôn là:

“**Án (1) sa-phả la, phộc nhật-la (2)**”

*)OM_ SPHARA VAJRA

_ Lại tượng Thân, rồi vào
Y vành trăng kia, trụ
Ngâm tụng Chân Ngôn này
Cần phải tụng bảy biến
Chân Ngôn là:

“**Án (1) tăng hạ la, phộc nhật-la (2)**”

*)OM_ SAMHARA VAJRA

_ Tượng thân Kim Cương vỡ
Rồi thành thân Đại Giác
Ngâm niệm lời bí mật
Gia trì niệm bảy biến
Chân Ngôn là:

“**Án (1) phộc nhật-la phệ xả, hồng (2)**”

*)OM_ VAJRA ĀVISA HŪM

_ Lại tưởng ánh sáng nhỏ
Như đồng thân Đại Giác
Ngâm tụng lời bí mật
Cũng nên tụng bảy biến
Chân Ngôn là:

“**Án (1) phộc nhật-la đất-ma cú hám (2)**”

*)OM_ VAJRA ATMAKA UHAM

_ Lại tưởng ánh sáng nhỏ
Làm **Thế** của Kim Cương
Cũng như thân Như Lai
Ngang đồng, không có khác
Ngâm xướng Chân Ngôn này
Gia trì xướng bảy biến
Chân Ngôn là:

“**Án (1) đã tha, tát phộc đất tha nga đá, sa-đát tha hám (2)**”

*)OM_ YATHĀ SARVA TATHĀGATA STATHA AHAM

_ Đã gia trì xong
Ra khỏi **Quán Môn**
Rời Quán Môn xong
Liên dùng tay phải
Cầm chày Kim Cương
Tay trái cầm chuông
Nâng ngang trên đỉnh
Rời làm **đỉnh lễ**
Lễ xong, múa **Ấn**
_ Trước, năm Phật **Ấn**
Bốn Ba La Mật
Ấn xong, dùng chày
Chỉ **đỉnh, miệng, tim**
Biểu (biểu thị) chỉ **ba Đàn**
Chỉ xong, dùng chày
Chỉ **Đỉnh ngũ phương** (5 phương trên đỉnh đầu)
Bốn góc của đỉnh
Hai mắt phải trái
Hai tai phải trái
Tiếp chỉ **mũi, lưỡi**
Hai vai phải trái
Chỉ xong, **tuyền đỉnh** (xoay vòng trên đỉnh đầu)
Xoay xong, đến **ngực**
Ngực xong, múa **Ấn**
_ Bên trên dùng chày
Phạm nơi được chỉ
Tưởng chữ **Chủng Trí**
Của tám Bồ Tát

Như **Kinh** đã nói
_Tiếp, chà Kim Cương
Chỉ hai bắp tay (*phải trái*)
Với **môi** trên dưới
Tiếp, **rôn** với **dưới** (*hạ thế*)
Tương chữ **Chủng Trí**
Của bốn Minh Vương
_Tiếp, chỉ nơi **tim**
Với **hai cẳng chân** (*phải trái*)
Bắp đùi trái phải
Chỉ lông trên lưng
Rồi chỉ phải, trái
Mặt hai bàn chân (phương bên dưới)
Lại chỉ ở **đỉnh** (phương bên trên)
Nơi dùng chà chỉ
Tương chữ **Chủng Trí**
Của sáu Minh Vương
Rồi cầm chuông, chà
)**Tiếng** biểu (biểu thị) Bồ Tát
Biểu thị **Pháp Ngữ**
)**Chà** biểu thị **Phật**
Biểu thị **Phật Ấn**
Ngâm niệm **Bí Mật**
Tùy Cầu Chân Ngôn
Lại tương phần trên
Hăm bảy (27) vị trí
Tùy phương **Tiến Lực** (2 ngón trỏ)
Xoay ba vòng, cột
Tùy cột Chân Ngôn
Ngâm niệm một biến
Tùy Cầu Chân Ngôn là:
“**Án (1) châm, hồng, phộc nhật-la, khát-la (2)**”
*)OM_ TUM HŪM VAJRA AGRA

KINH DIỆU CÁT TƯỜNG
BÌNH ĐẰNG TỐI THƯỢNG QUÁN MÔN ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN THỨ HAI (Hết)